TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/**2019/DS-PT
Ngày: 21-01-2019
V/v "*Xin ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Kim Rết

Các thẩm phán: Bà Võ Thị Thanh Phượng

Bà Phạm Thị Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh ĐN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN: Ông Đào Văn Dũng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh ĐN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2018/HNGĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc "*Xin ly hôn*".

Do bản án sơ thẩm số 360/2018/DS-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố BH bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 57/2018/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Phạm Thị L**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 27, ấp VD, xã PT, thành phố BH, tỉnh ĐN.

2. Bị đơn: **Ông Ông T**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 27, ấp VD, xã PT, thành phố BH, tỉnh ĐN.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Ông T.

(bà L, ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày: Về quan hệ hôn nhân: bà tự nguyện xây dựng gia đình với ông T vào năm 2001, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó năm 2004 phát sinh rất nhiều mâu thuẫn, càng ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do ông T không có trách nhiệm với gia đình và con cái, đánh đập vợ con. Quá trình sống gây nợ nần nhiều, tự ý

bán tài sản chung của vợ chồng. Trong cuộc sống bà phải chịu đựng rất nhiều, đỉnh điểm mâu thuẫn gần đây khiến mâu thuẫn vợ chồng đi vào bế tắc. Nay bà nhận thấy bà đã chịu đựng 20 năm nay, bà không còn tình cảm với ông T, không thể chung sống với ông T được nữa, nên bà xin ly hôn với ông T.

Về con chung: có 02 con là Lê Ngọc Q, sinh ngày 12/02/2001; Lê Hồng P, sinh ngày 25/04/2003. Ly hôn bà xin nuôi dưỡng cả hai con

Về cấp dưỡng: bà không yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Ông T trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà L kết hôn vào năm 2001, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, Trong cuộc sống chung, bà L luôn coi thường và cho rằng ông bất tài vô dụng, ông thường bị ức chế nên thỉnh thoảng xử sự không phải. Ông nhận định được ông cũng ham chơi, nhưng nhận thức được cố gắng hạn chế để không ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Những lời trình bày của bà L là đúng nhưng ông đã cố khắc phục sửa chữa. Bà L làm đơn ly hôn, ông đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ để tiếp tục nuôi dưỡng con cái, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 con là Lê Ngọc Q, sinh ngày 12/02/2001; Lê Hồng P, sinh ngày 25/04/2003. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông đống ý giao hai con cho bà L nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản án sơ thẩm 360/2018/HNGĐ-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố BH đã tuyên:

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 203; Điều 220; Điều 227, Điều 235; Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 87, 88, 89, 91, 92, 93, 94 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị L được ly hôn ông Ông T.

- Về con chung: giao 02 con là Lê Ngọc Q, sinh ngày 12/02/2001; Lê Hồng P, sinh ngày 25/04/2003 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và trách nhiệm thi hành án của đương sự.

- Ngày 04/10/2018, bị đơn ông Ông T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do bản án không khách quan, việc đánh giá tài liệu chứng cứ trong hồ sơ không đầy đủ. Mâu thuẫn gia đình không trầm trọng nhưng tòa sơ thẩm vẫn cho ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn. Ông đề nghị tòa phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

- *Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN*: Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX cấp phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đề xuất quan điểm giải quyết vụ án đối với phần bản án bị kháng cáo: Ông T kháng cáo không đồng ý ly hôn nhưng không tìm cách hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm cho ly hôn là có căn cứ. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của đương sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Ông T: Hồ sơ thể hiện, bà L, ông T có thời gian chung sống hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T thiếu trách nhiệm với gia đình, đánh đập bà L làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên bà L xin ly hôn. Ông T muốn được hàn gắn, không muốn ly hôn tuy nhiên không chịu sửa chữa, thay đổi do đó tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không thể duy trì. Vì vậy tòa án cấp sơ thẩm xét xử cho bà L với ông T ly hôn là có cơ sở. Kháng cáo của ông T là không có cơ sở chấp nhận.

- Kháng cáo của ông T không được chấp nhận do đó ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

[3] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 87, 88, 89, 91, 92, 93, 94 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phần tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị L với ông Ông T.

- Về con chung: giao 02 con là Lê Ngọc Q, sinh ngày 12/02/2001; Lê Hồng P, sinh ngày 25/04/2003 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi.

Ông T được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: bà L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 007876 ngày 27/6/2018 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH.

- Ông T phải chịu 300.000đán phí hôn nhân gia đình phúc thẩm được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 009407 ngày 08/10/2018 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát tỉnh (01);
- Tòa án huyện (01);
- Thi hành án huyện (01);
- Đương sự;
- Lưu (04);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Kim Rết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Triệu Thị Huỳnh Hoa **Hà Thảo Quyên** **Bùi Kim Rết**